TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

KHOA CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM

**----------------🕮----------------**

Mô hình UseCase Quản Lý Cửa Hàng Honda HEAD

Version 1.0

Giảng hướng dẫn: Phạm Thi Vương

Lớp: **SE100.G11**

Thành viên thực hiện:

Hoàng Ngọc Hạnh 12520127

Cấn Hoàng Hải 12520122

Vũ Tiến Đạt 12520067

Phạm Hoàng Hảo 12520131

***TP. Hồ Chí Minh, 20 tháng 01 năm 2016***

Mục Lục

[1. Sơ đồ Use case 2](#_Toc441060460)

[2. Danh sách Actor 2](#_Toc441060461)

[3. Danh sách các Use case 3](#_Toc441060462)

[4. Đặc tả Use case 4](#_Toc441060463)

[4.1. Đăng nhập 4](#_Toc441060464)

[4.2. Đăng xuất 4](#_Toc441060465)

[4.3. Quản lí khách hàng 5](#_Toc441060466)

[4.4. Lập báo cáo 6](#_Toc441060467)

[4.5. Xác nhận báo cáo 7](#_Toc441060468)

[4.6. Quản lí nhân viên 7](#_Toc441060469)

[4.7. Tính lương 9](#_Toc441060470)

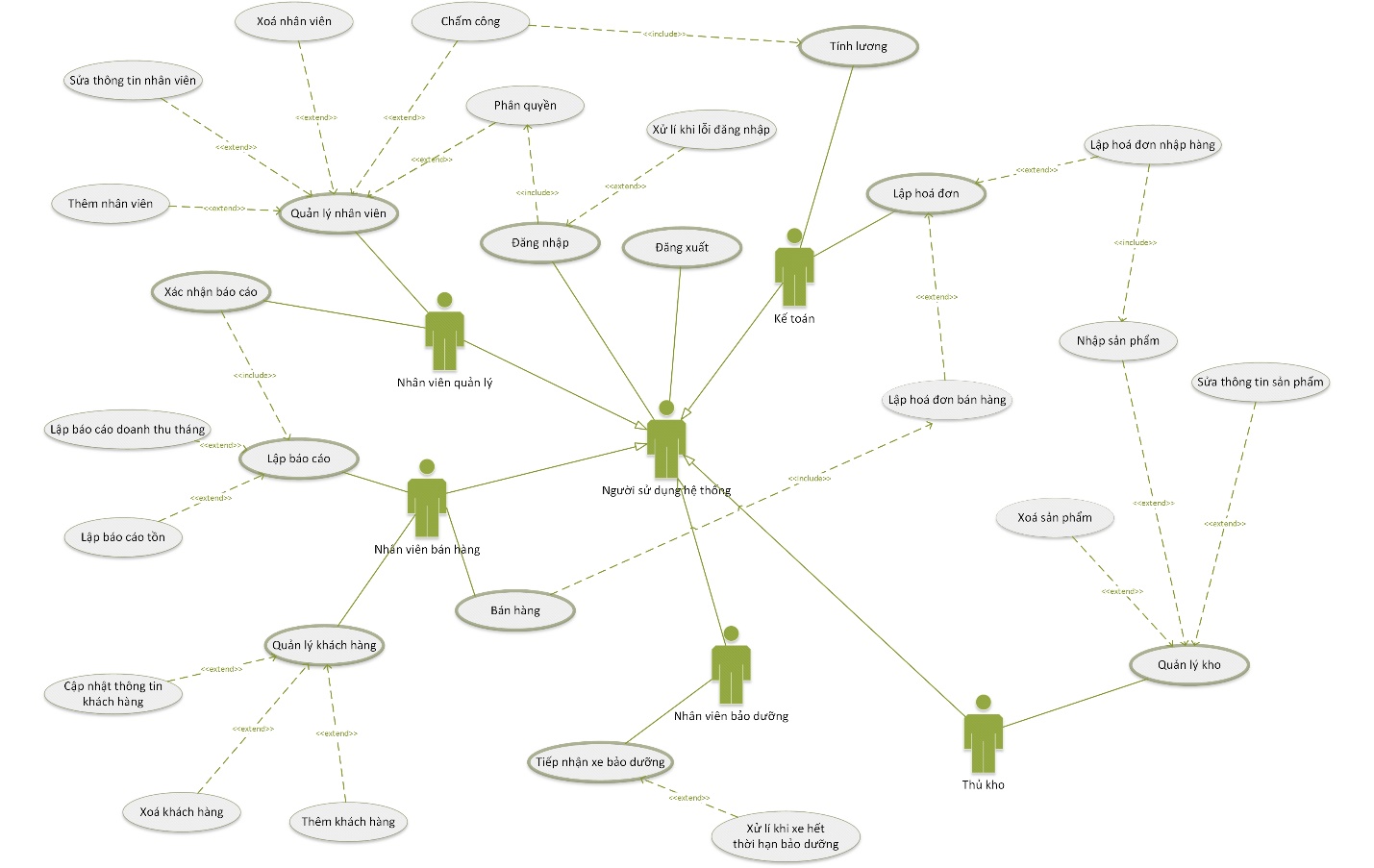
[4.8. Bán hàng 9](#_Toc441060471)

[4.9. Tiếp nhận xe bảo dưỡng 10](#_Toc441060472)

[4.10. Lập hoá đơn 11](#_Toc441060473)

[4.11. Quản lí kho 12](#_Toc441060474)

# Sơ đồ Use case



# Danh sách Actor

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên Actor | Ý nghĩa/Ghi chú |
| 1 | Nhân viên bán hàng | Bộ phận bán hàng, quản lý khách hàng, tiến hành giao dịch mua bán và lập báo cáo hàng tháng. |
| 2 | Nhân viên quản lý | Bộ phận điều hành cửa hàng, quản lý nhân sự của cửa hàng, quản lý lương và kiểm tra báo cáo hàng tháng. |
| 3 | Thủ kho | Bộ phận quản lý kho bãi của cửa hàng, quản lý sản phẩm nhập về và xuất ra. |
| 4 | Kế toán | Bộ phận kế toán của cửa hàng, tính toán lương và quản lý hoá đơn nhập xuất. |
| 5 | Nhân viên bảo dưỡng | Bộ phận chăm sóc khách hàng, bảo dưỡng xe. |

# Danh sách các Use case

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Use-case** | **Ý nghĩa/Ghi chú** |
| 1 | Đăng nhập | Người sử dụng hệ thống tiến hành đăng nhập vào hệ thống, sử dụng các tác vụ của hệ thống. |
| 2 | Đăng xuất | Người sử dụng đăng xuất khỏi hệ thống. |
| 3 | Quản lí khách hàng | Nhân viên bán hàng thêm khách hàng mới vào database của cửa hàng, thay đổi thông tin của khách hàng hoặc xoá khách hàng khỏi hệ thống khi khách hàng huỷ bỏ giao dịch hoặc thông tin khách hàng không tồn tại. |
| 4 | Lập báo cáo | Lập báo cáo bán hàng hàng tháng, bao gồm báo cáo doanh thu và báo cáo tồn kho. |
| 5 | Xác nhận báo cáo | Nhân viên quản lý kiểm tra báo cáo hàng tháng từ nhân viên. |
| 6 | Quản lí nhân viên | Nhân viên quản lý tuyển dụng nhân viên mới cho cửa hàng, thêm nhân viên đó vào hệ thống, thay đổi thông tin của nhân viên hoặc cho nghỉ việc nhân viên, xoá nhân viên đó ra khỏi hệ thống. |
| 7 | Tính lương | Nhân viên quản lý chấm công của từng nhân viên theo ngày, kế toán tính lương và phát cho nhân viên vào cuối tháng. |
| 8 | Bán hàng | Nhân viên bán hàng xử lí giao dịch bán sản phẩm cho khách hàng. |
| 9 | Tiếp nhận xe bảo dưỡng | Nhân viên bảo dưỡng tiếp nhận bảo dưỡng xe của khách hàng. |
| 10 | Lập hoá đơn | Kế toán xuất hoá đơn bán hàng hoặc nhập hàng về kho cho nhân viên bán hàng hoặc thủ kho. |
| 11 | Quản lí kho | Thủ kho nhập sản phẩm từ công ty về kho, thay đổi thông tin sản phẩm trong kho khi có thay đổi hoặc thông tin bị sai lệch hoặc xoá sản phẩm khỏi kho cho nhân viên bán hàng. |

# Đặc tả Use case

## Đăng nhập

|  |
| --- |
| ***Tên UseCase:*** Đăng nhập |
| ***Tóm tắt:*** UseCase bắt đầu khi người sử dụng hệ thống tiến hành truy cập vào hệ thống để xử dụng các tác vụ của hệ thống. Hệ thống hiển thị giao diện sử dụng cho người sử dụng hệ thống. |
| ***Dòng sự kiện chính:***   1. Hệ thống hiển thị giao diện đăng nhập 2. Người sử dụng hệ thống nhập id và password. 3. Hệ thống chuyển giao sang giao diện sử dụng cho người sử dụng. |
| ***Dòng sự kiện phụ:***   1. Hệ thống xử lý khi sai id hoặc password hay người sử dụng chưa được set quyền truy cập (hiển thị hộp thoại thông báo, yêu cầu đăng kí khi chưa là thành viên) |
| ***Yêu cầu đặc biệt:*** Không có. |
| ***Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện UseCase:*** hệ thống đăng trong trạng thái đang xuất. |
| ***Trạng thái hệ thống khi sau khi thực hiện UseCase:*** hệ thống đăng trong trạng thái hiển thị giao diện sử dụng cho người sử dụng. |
| ***Điểm mở rộng:*** Hệ thống sẽ xử lí khi đăng nhập không thành công (hiển thị hộp thoại thông báo) |

## Đăng xuất

|  |
| --- |
| ***Tên UseCase:*** Đăng xuất |
| ***Tóm tắt:*** UseCase bắt đầu khi người sử dụng hệ thống tiến hành đăng xuất khỏi hệ thống. |
| ***Dòng sự kiện chính:***   1. Người sử dụng click vào button đăng xuất hoặc exit. 2. Hệ thống chuyển giao sang giao diện đăng nhập hoặc tắt đi. |
| ***Dòng sự kiện phụ:***   1. Hệ thống thông báo khi không thể đăng xuất (khi chưa hoàn thành thao tác xử lí) |
| ***Yêu cầu đặc biệt:*** Không có. |
| ***Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện UseCase:*** hệ thống đang trong giao diện sử dụng. |
| ***Trạng thái hệ thống khi sau khi thực hiện UseCase:*** hệ thống trở về giao diện đăng nhập. |
| ***Điểm mở rộng:*** không có. |

## Quản lí khách hàng

|  |
| --- |
| ***Tên UseCase:*** Quản lý khách hàng |
| ***Tóm tắt:*** Use case bắt đầu sau khi nhân viên bán hàng đăng nhập thành công vào hệ thống. Hệ thống sẽ thi hành các chức năng(Thêm khách hàng, Xoá khách hàng hoặc Sửa thông tin khách hàng) hỗ trợ cho nghiệp vụ của nhân viên bán hàng. |
| ***Dòng sự kiện chính:***   1. Hệ thống hiển thị giao diện thực đơn cho nhân viên bán hàng lựa chọn. 2. Nhân viên bán hàng lựa chọn chức năng cần thực hiện: 3. Thêm khách hàng: (Use case bắt đầu khi khách hàng mua sản phẩm tại cửa hàng)  * Yêu cầu thông tin từ khách hàng mới * Nhân viên bán hàng xác nhận thông tin được cung cấp * Nhập thông tin khách hàng * Yêu cầu hệ thống lưu trữ thông tin khách hàng * Hệ thống hiển thị hộp thoại xác nhận * Xác nhận, hệ thống hiển thị kết quả  1. Thay đổi thông tin khách hàng: (Use case bắt đầu khi có yêu cầu thay đổi từ khách hàng)  * Hệ thống hiển thị danh sách khách hàng có trong hệ thống * Tìm kiếm khách hàng cần thay đổi * Hệ thống trả về kết quả tìm kiếm * Yêu cầu hệ thống cập nhật thông tin khách hàng * Hệ thống hiển thị hộp thoại xác nhận * Xác nhận, hệ thống hiển thị kết quả  1. Xóa khách hàng: (Use case bắt đầu khi khách hàng huỷ bỏ lần giao dịch đầu tiên, hoặc khách hàng không còn tồn tại.)  * Hệ thống hiển thị danh sách khách hàng có trong hệ thống * Tìm kiếm khách hàng cần xoá * Hệ thống trả về kết quả tìm kiếm * Yêu cầu hệ thống xoá khách hàng * Hệ thống hiển thị hộp thoại xác nhận * Xác nhận, hệ thống hiển thị kết quả |
| ***Dòng sự kiện phụ:***   1. Xử lý khi khách hàng đã tồn tại trong hệ thống: Hiển thị hộp thoại thông báo. 2. Xử lý khi thông tin nhập vào không đúng định dạng quy định: Hiển thị thông báo yêu cầu nhập lại. 3. Xử lý khi khách hàng không tồn tại trong hệ thống: Hiển thị hộp thoại thông báo. |
| ***Các yêu cầu đặc biệt:*** Không có. |
| ***Trạng thái hệ thống trước khi thực hiện use case:***   1. Hệ thống phải thông kết nối với cơ sở dữ liệu. 2. Nhân viên bán hàng đăng nhập thành công vào hệ thống. |
| ***Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện use case:***   1. Hệ thống phải sẵn sàng cho phiên làm việc tiếp theo. |
| ***Điểm mở rộng:*** Không có. |

## Lập báo cáo

|  |
| --- |
| ***Tên UseCase:*** Lập báo cáo |
| ***Tóm tắt:*** UseCase bắt đầu khi có yêu cầu tiến hành lập báo cáo từ nhân viên bán hàng. Hệ thống sẽ xử lý yêu cầu lập báo cáo của người sử dụng. |
| ***Dòng sự kiện chính:***   1. Lựa chọn chức năng lập báo cáo từ giao diện chính của hệ thống. 2. Chọn thời gian và loại báo cáo muốn lập. 3. Hệ thống hiển thị hộp thoại xác nhận. 4. Xác nhận từ user. 5. Hệ thống tính toán doanh thu thông qua dữ liệu trong database của cửa hàng. 6. Hệ thống hiển thị báo cáo lên giao diện. |
| ***Dòng sự kiện phụ:***   1. Hệ thống xử lí khi thời gian lập báo cáo không hợp lệ.(hiển thị hộp thoại thông báo và yêu cầu chọn lại thời gian) |
| ***Yêu cầu đặc biệt:***  Không có. |
| ***Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện UseCase:***   1. Hệ thống đang trong trạng thái đăng nhập. 2. Hệ thống phải kết nối dữ liệu với database. |
| ***Trạng thái hệ thống khi sau khi thực hiện UseCase:***   1. Hệ thống hiển thị báo cáo lên giao diện. 2. Hệ thống sẵn sàng cho một tác vụ mới. |
| ***Điểm mở rộng:*** Không có. |

## Xác nhận báo cáo

|  |
| --- |
| ***Tên UseCase:*** Xác nhận báo cáo. |
| ***Tóm tắt:*** UseCase bắt đầu khi có nhân viên quản lý yêu cầu kiểm tra báo cáo hàng tháng. |
| ***Dòng sự kiện chính:***   1. Nhân viên quản lý lựa chọn chức năng xác nhận báo cáo từ giao diện chính của hệ thống. 2. Hệ thống hiển thị danh sách các báo cáo chưa xác nhận trong hệ thống. 3. Nhân viên quản lý tìm kiếm báo cáo cần xác nhận. 4. Nhân viên quản lý chọn một báo cáo. 5. Hệ thống hiển thị nội dung của báo cáo. 6. Nhân viên quản lý xác nhận nội dung. 7. Nhân viên qủan lý yêu cầu lưu trữ báo cáo xuống cơ sở dữ liệu. 8. Hệ thống yêu cầu xác nhận 9. Chấp nhận 10. Hệ thống thông báo kết quả. |
| ***Dòng sự kiện phụ:***   1. Xử lý khi nhân viên quản lý yêu cầu lập lại báo cáo: Gửi lại báo cáo cho nhân viên bán hàng, yêu cầu chỉnh sửa hoặc tạo mới báo cáo. |
| ***Yêu cầu đặc biệt:***  Không có. |
| ***Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện UseCase:***   1. Nhân viên quản lý trong trạng thái đăng nhập. 2. Hệ thống thông kết nối với cơ sở dữ liệu. |
| ***Trạng thái hệ thống khi sau khi thực hiện UseCase:***   1. Hệ thống sẵn sàng cho tác vụ mới. |
| ***Điểm mở rộng:*** không có. |

## Quản lí nhân viên

|  |
| --- |
| ***Tên UseCase:*** Quản lý nhân viên |
| ***Tóm tắt:*** Use case bắt đầu sau khi nhân viên quản lý đăng nhập thành công vào hệ thống. Hệ thống sẽ thi hành các chức năng(Thêm nhân viên, Xoá nhân viên, Sửa thông tin nhân viên, chấm công, phân quyền) hỗ trợ cho nghiệp vụ của nhân viên quản lý. |
| ***Dòng sự kiện chính:***   1. Hệ thống hiển thị giao diện thực đơn cho nhân viên quản lý lựa chọn. 2. Nhân viên quản lý lựa chọn chức năng cần thực hiện: 3. Thêm nhân viên: (Use case bắt đầu khi nhân viên quản lý được giao yêu cầu thêm nhân viên)  * Yêu cầu thông tin từ nhân viên mới * Nhân viên quản lý nhập thông tin vào hệ thống * Yêu cầu hệ thống lưu trữ thông tin nhân viên * Hệ thống hiển thị hộp thoại xác nhận * Xác nhận, hệ thống hiển thị kết quả  1. Thay đổi thông tin nhân viên: (Use case bắt đầu khi nhân viên quản lý được giao yêu cầu thay đổi thông tin nhân viên.)  * Hệ thống hiển thị danh sách nhân viên có trong hệ thống * Tìm kiếm nhân viên cần thay đổi * Hệ thống trả về kết quả tìm kiếm * Yêu cầu hệ thống cập nhật thông tin nhân viên * Hệ thống hiển thị hộp thoại xác nhận * Xác nhận, hệ thống hiển thị kết quả  1. Xoá nhân viên: (Use case bắt đầu khi nhân viên quản lý được giao yêu cầu xoá nhân viên)  * Hệ thống hiển thị danh sách nhân viên có trong hệ thống * Tìm kiếm nhân viên cần xoá * Yêu cầu hệ thống xoá nhân viên * Hệ thống hiển thị hộp thoại xác nhận * Xác nhận, hệ thống hiển thị kết quả |
| ***Dòng sự kiện phụ:***   1. Xử lý khi thông tin nhập vào không đúng định dạng quy định: Hiển thị thông báo yêu cầu nhập lại. 2. Xử lý khi nhân viên đã tồn tại trong hệ thống: Hiển thị hộp thoại thông báo 3. Xử lí khi nhân viên không tồn tại trong hệ thống: hiển thị hộp thoại thông báo |
| ***Các yêu cầu đặc biệt:*** Không có. |
| ***Trạng thái hệ thống trước khi thực hiện use case:***   1. Hệ thống phải thông kết nối với cơ sở dữ liệu. 2. Nhân viên quản lý đăng nhập thành công vào hệ thống. |
| ***Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện use case:***   1. Hệ thống phải sẵn sàng cho phiên làm việc tiếp theo. |
| ***Điểm mở rộng:***   1. Chấm công: nhân viên quản lí đăng nhập vào hệ thống, truy cập chức năng năng chấm công, chấm công ngày làm của từng nhân viên -> tính lương. 2. Phân quyền: nhân viên quản lí phân quyền truy cập hệ thống cho từng nhân viên khi thêm nhân viên hay thay đổi thông tin nhân viên. |

## Tính lương

|  |
| --- |
| ***Tên UseCase:*** Tính lương. |
| ***Tóm tắt:*** UseCase bắt đầu vào cuối tháng, khi có yêu cầu tính lương cho nhân viên của cửa hàng. Hệ thống sẽ xử lý yêu cầu tính lương của bộ phận kế toán. |
| ***Dòng sự kiện chính:***   1. Lựa chọn chức năng tính lương từ giao diện chính của hệ thống. 2. Người sử dụng nhập tên nhân viên cần tính lương (hoặc tìm kiếm trong dataGridView) 3. Hệ thống tính toán tiền lương của nhân viên đó. 4. Hệ thống hiển thị tiền lương của nhân viên đó và lưu trữ xuống database. 5. Người sử dụng click button thanh toán, hệ thống sẽ chuyển tiền qua ATM nhân viên đó hoặc xuất ra tiền mặt. |
| ***Dòng sự kiện phụ:***   1. Xử lí khi nhân viên không tồn tại trong hệ thống (hiển thị hộp thoại yêu cầu nhập lại) 2. Xử lí khi cửa hàng không còn tiền trong quỹ (hiển thị hộp thoại thông báo) |
| ***Yêu cầu đặc biệt:***  Không có. |
| ***Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện UseCase:***   1. Hệ thống đang trong trạng thái đăng nhập. 2. Hệ thống phải kết nối dữ liệu với database. |
| ***Trạng thái hệ thống khi sau khi thực hiện UseCase:***   1. Hệ thống thực hiện tác vụ thanh toán thành công và lưu trữ dữ liệu xuống database. 2. Hệ thống sẵn sàng cho một tác vụ mới. |
| ***Điểm mở rộng:*** Không có. |

## Bán hàng

|  |
| --- |
| ***Tên UseCase:*** Bán hàng. |
| ***Tóm tắt:*** UseCase bắt đầu khi có khách hàng tiến hàng mua sản phẩm hoặc đặt hàng sản phẩm tại cửa hàng. Hệ thống sẽ tiếp nhận yêu cầu mua hàng của cửa hàng. |
| ***Dòng sự kiện chính:***   1. Lựa chọn chức năng bán hàng từ giao diện chính của hệ thống. 2. Người sử dụng nhập thông tin yêu cầu loại sản phẩm cần mua vào hệ thống. 3. Hệ thống kiểm tra về sản phẩm (còn tồn tại hoặc có trong cửa hàng không) 4. Hệ thống xác nhận yêu cầu mua hàng. 5. Hệ thống gửi yêu cầu xuất hoá đơn cho bộ phận kế toán và yêu cầu xuất hàng cho bộ phận kho bãi. 6. Hệ thống hiển thị thông báo thành công. |
| ***Dòng sự kiện phụ:***   1. Hệ thống xử lí khi sản phẩm hết hàng hoặc không tồn tại (hiển thị hộp thoại thông báo và gửi yêu cầu khi sản phẩm hết hàng cho bộ phận kho bãi). 2. Hệ thống xử lí khi lập hoá đơn không thành công (hiển thị hộp thoại thông báo yêu cầu kiểm tra lại) |
| ***Yêu cầu đặc biệt:***  Không có. |
| ***Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện UseCase:***   1. Hệ thống đang trong trạng thái đăng nhập. 2. Hệ thống phải kết nối dữ liệu với database. |
| ***Trạng thái hệ thống khi sau khi thực hiện UseCase:***   1. Hệ thống thực hiện tác vụ bán sản phẩm thành công và lưu trữ dữ liệu xuống database. 2. Hệ thống sẵn sàng cho một tác vụ mới. |
| ***Điểm mở rộng:*** Không có. |

## Tiếp nhận xe bảo dưỡng

|  |
| --- |
| ***Tên UseCase:*** Tiếp nhận xe bảo dưỡng. |
| ***Tóm tắt:*** UseCase bắt đầu khi có khách hàng đến bảo dưỡng xe. Hệ thống sẽ tiếp nhận yêu cầu bảo dưỡng của khách hàng. |
| ***Dòng sự kiện chính:***   1. Lựa chọn chức năng tiếp nhận bảo dưỡng xe từ giao diện của hệ thống. 2. Tìm kiếm khách hàng trong hệ thống. 3. Kiểm tra thời hạn bảo dưỡng của xe của khách hàng. 4. Nhập thông tin yêu cầu bảo dưỡng của khách hàng. 5. Hệ thống hiển thị xác nhận. |
| ***Dòng sự kiện phụ:***   1. Xử lí khi không có khách hàng trong hệ thống. (hiển thị hộp thoại thông báo, yêu cầu thêm khách hàng vào hệ thống) 2. Xử lí khi thời hạn bảo dưỡng xe của khách hàng đã hết. (chuyển sang giao diện sữa chữa tính tiền) |
| ***Yêu cầu đặc biệt:***  Không có. |
| ***Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện UseCase:***   1. Hệ thống đang trong trạng thái đăng nhập. 2. Hệ thống phải kết nối dữ liệu với database. |
| ***Trạng thái hệ thống khi sau khi thực hiện UseCase:***   1. Hệ thống sẵn sàng cho một tác vụ mới. |
| ***Điểm mở rộng:*** hệ thống xử lí khi xe của khách hàng đã hết thời hạn bảo dưỡng, đưa về hình thức sửa chữa tính tiền. |

## Lập hoá đơn

|  |
| --- |
| ***Tên UseCase:*** Lập hoá đơn |
| ***Tóm tắt:*** UseCase bắt đầu khi có yêu cầu tiến hành xoá sản phẩm bán hàng từ nhân viên bán hàng hoặc nhập hàng về kho từ bộ phận thủ kho. Hệ thống sẽ xử lý yêu cầu lập hoá đơn của người sử dụng. |
| ***Dòng sự kiện chính:***   1. Lựa chọn chức năng lập hoá đơn từ giao diện chính của hệ thống. 2. Chọn loại hoá đơn muốn lập. 3. Nhập đầy đủ thông tin của hoá đơn cần lập. 4. Click button “Lập hoá đơn”. 5. Hệ thống gửi hộp thoại xác nhận. 6. Hệ thống xử lý lập hoá đơn, lưu trữ dữ liệu xuống database của cửa hàng. 7. Hệ thống hiển thị hoá đơn lên giao diện. |
| ***Dòng sự kiện phụ:***   1. Hệ thống xử lý khi thông tin nhập vào không đúng định dạng (hiển thị hộp thoại thông báo và yêu cầu nhập lại) |
| ***Yêu cầu đặc biệt:***  Không có. |
| ***Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện UseCase:***   1. Hệ thống đang trong trạng thái đăng nhập. 2. Hệ thống phải kết nối dữ liệu với database. |
| ***Trạng thái hệ thống khi sau khi thực hiện UseCase:***   1. Hệ thống hiển thị hoá đơn lên giao diện. 2. Hệ thống sẵn sàng cho một tác vụ mới. |
| ***Điểm mở rộng:*** Không có. |

## Quản lí kho

|  |
| --- |
| ***Tên UseCase:*** Quản lý kho |
| ***Tóm tắt:*** Use case bắt đầu sau khi thủ kho đăng nhập thành công vào hệ thống. Hệ thống sẽ thi hành các chức năng(Nhập sản phẩm, Xoá sản phẩm, Sửa thông tin sản phẩm) hỗ trợ cho nghiệp vụ của nhân viên quản lý kho. |
| ***Dòng sự kiện chính:***   1. Hệ thống hiển thị giao diện thực đơn cho thủ kho lựa chọn. 2. Thủ kho lựa chọn chức năng cần thực hiện: 3. Nhập sản phẩm: (Use case bắt đầu khi thủ kho được giao yêu cầu nhập sản phẩm về kho)  * Thủ kho nhập thông tin vào hệ thống * Yêu cầu hệ thống lưu trữ thông tin sản phẩm * Hệ thống hiển thị hộp thoại xác nhận * Xác nhận, hệ thống hiển thị kết quả  1. Thay đổi thông tin sản phẩm: (Use case bắt đầu khi thủ kho được giao yêu cầu thay đổi thông tin sản phẩm có trong kho.)  * Hệ thống hiển thị danh sách sản phẩm có trong hệ thống * Tìm kiếm sản phẩm cần thay đổi thông tin * Hệ thống trả về kết quả tìm kiếm * Yêu cầu hệ thống cập nhật thông tin sản phẩm * Hệ thống hiển thị hộp thoại xác nhận * Xác nhận, hệ thống hiển thị kết quả  1. Xoá sản phẩm: (Use case bắt đầu khi thủ kho được giao yêu cầu xoá sản phẩm khỏi kho khi cửa hàng không bán nữa)  * Hệ thống hiển thị danh sách sản phẩm có trong hệ thống * Tìm kiếm sản phẩm cần xoá * Yêu cầu hệ thống xoá sản phẩm * Hệ thống hiển thị hộp thoại xác nhận * Xác nhận, hệ thống hiển thị kết quả |
| ***Dòng sự kiện phụ:***   1. Xử lý khi thông tin nhập vào không đúng định dạng quy định: Hiển thị thông báo yêu cầu nhập lại. 2. Xử lý khi sản phẩm đã tồn tại trong hệ thống: Hiển thị hộp thoại thông báo 3. Xử lí khi sản phẩm không tồn tại trong hệ thống: hiển thị hộp thoại thông báo |
| ***Các yêu cầu đặc biệt:*** Không có. |
| ***Trạng thái hệ thống trước khi thực hiện use case:***   1. Hệ thống phải thông kết nối với cơ sở dữ liệu. 2. Thủ kho đăng nhập thành công vào hệ thống. |
| ***Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện use case:***   1. Hệ thống phải sẵn sàng cho phiên làm việc tiếp theo. |
| ***Điểm mở rộng:*** không có. |